ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1184/QĐ-UBND	*Vô Tranh, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - Đợt 2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đồng thuận về việc đề xuất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới; Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Vô Tranh về thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - (đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh);

Căn cứ Thông báo số 390/TB-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Vô Tranh về thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - (đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh - Đợt 1); Thông báo số 435/TB-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Vô Tranh về thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - (đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-XDNNMT ngày 19/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - Đợt 2, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - Đợt 2 theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tổng kinh phí phê duyệt: 1.816.715.054 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm mười sáu triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng)

Trong đó:

- Bồi thường đất nông nghiệp: 361.973.900 đồng
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 1.085.921.700 đồng
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 23.637.600 đồng
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 88.909.000 đồng
- Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn: 35.996.500 đồng
- Bồi thường tài sản là cây cối, hoa màu: 220.276.354 đồng

Nguồn kinh phí: Do chủ đầu tư chi trả.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh và các đơn vị liên quan:

- Phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Vô Tranh và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được UBND xã phê duyệt đến người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, thời gian, địa điểm chi trả bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND xã phê duyệt, có văn bản đề nghị UBND xã Vô Tranh ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định.

2. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm bàn giao đất cho Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh theo quy định.

3. Tiền thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn được thực hiện khi chủ sử dụng đất đồng ý nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định của UBND xã Vô Tranh và bàn giao mặt bằng trước thời hạn thông báo di chuyển.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh, Chủ đầu tư, người có đất thu hồi, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, XDNNMT, nkngoc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VÔ TRANH T.THÁI NGUYÊN

Phạm Quang Lượng

PHỤ LỤC 01: BIỂU TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi ở hiện nay (xóm)	Bồi thường đất nông nghiệp (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng)	Thưởng bàn giao mặt bằng (đồng)	Bồi thường cây cối, hoa màu (đồng)	Tổng tiền bồi thường (đồng)
1	Nguyễn Bích Ngọc (CCCD: 019149004161)	Phú Tâm	118.556.000	355.668.000	-	19.547.000	9.773.500	75.490.744	**579.035.244**
2	Nguyễn Văn Huấn (CCCD: 019076019652)	Phú Tâm	3.019.200	9.057.600	-	408.000	204.000	-	**12.688.800**
3	Nguyễn Văn Quang (CCCD: 019061006604)	Phú Tâm	240.398.700	721.196.100	23.637.600	68.954.000	26.019.000	144.785.610	**1.224.991.010**
	Tổng cộng		**361.973.900**	**1.085.921.700**	**23.637.600**	**88.909.000**	**35.996.500**	**220.276.354**	**1.816.715.054**

**** Ghi chú: Thưởng bàn giao mặt bằng: Hộ dân chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường ban hành thông báo bàn giao mặt bằng***

Phụ lục 02: Phương án bồi thường đất

Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh)

STT	Họ và tên	Nơi ở hiện nay (xóm)	Địa chỉ thửa đất (xóm)	Số điện thoại	Bản đồ địa chính					Nguồn gốc đất	Bồi thường đất nông nghiệp		Cộng theo hộ
					Vị trí thửa đất	Tờ bản đồ số (cũ)	Tờ bản đồ số (mới)	Thửa số	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=10*13*	*15*
1	**Nguyễn Bích Ngọc (CCCD: 019149004161)**	Phú Tâm		**0347906062**					**1.954,7**					**118.556.000**
			Phú Tâm		VT1	3	3	48	1.863,7	CLN	GCNQSDĐ	60.000	111.822.000	
			Phú Tâm		VT1	3	3	142	91,0	LUK	GCNQSDĐ	74.000	6.734.000	
2	**Nguyễn Văn Huấn (CCCD: 019076019652)**	Phú Tâm		**0398094576**					**40,8**					**3.019.200**
			Phú Tâm		VT1	3	3	147	40,8	LUK	GCNQSDĐ	74.000	3.019.200	
3	**Nguyễn Văn Quang (CCCD: 019061006604)**	Phú Tâm		**0988835772**					**6.895,4**					**240.398.700**
			Phú Tâm		VT1	3	3	3	112,9	HNK	GCNQSDĐ	65.000	7.338.500	
			Phú Tâm		VT1	3	3	12	266,3	LUK	GCNQSDĐ	74.000	19.706.200	
			Phú Tâm		VT1	3	3	29	2.287,2	CLN	GCNQSDĐ	60.000	137.232.000	
			Phú Tâm		VT1	3	3	51	4.229,0	RSX	GCNQSDĐ	18.000	76.122.000	
	Tổng cộng								**8.890,9**					**361.973.900**

Phụ lục 03: Phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh)

STT	Họ và tên	Vị trí thửa đất	Bản đồ địa chính					Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Tổng cộng	Ghi chú
			Tờ bản đồ số (cũ)	Tờ bản đồ số (mới)	Thửa số	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7,0*	*8*	*9*	*10=9*7*3 lần*	*11*	*12*
1	**Nguyễn Bích Ngọc (CCCD: 019149004161)**									**355.668.000**	
		VT1	3	3	48	1.863,7	CLN	60.000	335.466.000		
		VT1	3	3	142	91,0	LUK	74.000	20.202.000		
2	**Nguyễn Văn Huấn (CCCD: 019076019652)**									**9.057.600**	
		VT1	3	3	147	40,8	LUK	74.000	9.057.600		
3	**Nguyễn Văn Quang (CCCD: 019061006604)**									**721.196.100**	
		VT1	3	3	3	112,9	HNK	65.000	22.015.500		
		VT1	3	3	12	266,3	LUK	74.000	59.118.600		
		VT1	3	3	29	2.287,2	CLN	60.000	411.696.000		
		VT1	3	3	51	4.229,0	RSX	18.000	228.366.000		
	Tổng cộng									**1.085.921.700**	

Phụ lục 04: Phương án Hỗ trợ ổn định đời sống

Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh)

STT	Họ và tên	Bản đồ địa chính					★Hỗ trợ ổn định đời sống						Cộng từng hộ (đồng)
		Tờ bản đồ số (cũ)	Tờ bản đồ số (mới)	Thửa số	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Tỷ lệ phần trăm thu hồi đất (%)	Số khẩu được hỗ trợ (Khẩu)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Số Kg gạo tẻ thường (Kg)	Đơn giá gạo (đồng)	Thành tiền (Đồng)	
1	**Nguyễn Bích Ngọc (CCCD: 019149004161)**												
		VT1	3	3	48	1.863,7	<=70%	***Đã hỗ trợ tại QĐ số 980/QĐ-UBND, ngày 11/9/2026 (chung khẩu nhà ông Huấn)***					
		VT1	3	3	142	91,0							
2	**Nguyễn Văn Huấn (CCCD: 019076019652)**												
		VT1	3	3	147	40,8	<=70%	***Đã hỗ trợ tại QĐ số 980/QĐ-UBND, ngày 11/9/2026***					
3	**Nguyễn Văn Quang (CCCD: 019061006604)**												**23.637.600**
		VT1	3	3	3	112,9	<=70%	7	6	30	18.760	23.637.600	
		VT1	3	3	12	266,3							
		VT1	3	3	29	2.287,2							
		VT1	3	3	51	4.229,0							
	Tổng cộng												**23.637.600**

Phụ lục 05: Phương án hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh và thưởng bàn giao mặt bằng

Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Võ Tranh)

STT	Họ và tên	Vị trí thửa đất	Bản đồ địa chính					Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng bàn giao mặt bằng		Tổng cộng
			Tờ bản đồ số (cũ)	Tờ bản đồ số (mới)	Thửa số	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
1	**Nguyễn Bích Ngọc (CCCD: 019149004161)**								**19.547.000**		**9.773.500**	**29.320.500**
		VT1	3	3	48	1.863,7	CLN	10.000	18.637.000	5.000	9.318.500	
		VT1	3	3	142	91,0	LUK	10.000	910.000	5.000	455.000	
2	**Nguyễn Văn Huấn (CCCD: 019076019652)**								**408.000**		**204.000**	**612.000**
		VT1	3	3	147	40,8	LUK	10.000	408.000	5.000	204.000	
3	**Nguyễn Văn Quang (CCCD: 019061006604)**								**68.954.000**		**26.019.000**	**94.973.000**
		VT1	3	3	3	112,9	HNK	10.000	1.129.000	5.000	564.500	
		VT1	3	3	12	266,3	LUK	10.000	2.663.000	5.000	1.331.500	
		VT1	3	3	29	2.287,2	CLN	10.000	22.872.000	5.000	11.436.000	
		VT1	3	3	51	4.229,0	RSX	10.000	42.290.000	3.000	12.687.000	
	Tổng cộng								**88.909.000**		**35.996.500**	**124.905.500**

Phụ lục 06: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG CÂY CỐI, HOA MẦU TRÊN ĐẤT THU HỒI

Dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)

(Kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh)

STT	Họ và tên, danh mục tài sản	ĐVT	Thông số, quy cách, kích thước	Diện tích đất trồng cây thực tế (m2)	Số lượng cây trồng thực tế	Mật độ	Số lượng cây trồng chính theo mật độ	Số lượng cây trồng xen canh theo	Đơn giá bồi thường theo QĐ số 27 ngày 13/5/2026	Thành tiền (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
1	**Nguyễn Bích Ngọc**										**75.490.744**	
	Thửa 48(3), loại đất CLN, DTTH: 1863,7 m2											
	Keo (năm thứ 3)	cây		1.103,7	176	6,25	176		52.494	9.238.944		
	Chè	m2	ĐKG > 1,5cm	760					86.000	65.360.000		
	Thửa 142(3), loại đất LUK, DTTH: 91 m2											
	Lúa	m2			91				9.800	891.800		
2	**Nguyễn Văn Huấn**											
	Thửa 147(3), loại đất LUK, DTTH: 40,8 m2											
	Chè	m2	ĐKG > 1,5cm		40,8							*Sai mục đích sử dụng đất*
3	**Nguyễn Văn Quang**										**144.785.610**	
	Thửa 3(3), loại đất HNK, DTTH: 112,9 m2											
	Keo (năm thứ 5)	cây	Chu vi 60cm, cao 10m		7				339.118	2.373.827		
	Keo (năm thứ 5)	cây	Chu vi 45cm, cao 8m		11				181.475	1.996.224		
	Thửa 12(3), loại đất LUK, DTTH: 266,3 m2											

STT	Họ và tên, danh mục tài sản	ĐVT	Thông số, quy cách, kích thước	Diện tích đất trồng cây thực tế (m2)	Số lượng cây trồng thực tế	Mật độ	Số lượng cây trồng chính theo mật độ	Số lượng cây trồng xen canh theo	Đơn giá bồi thường theo QĐ số 27 ngày 13/5/2026	Thành tiền (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
	Ao nuôi ghép nhiều loài thuỷ sản	m2	(Bán thâm canh)		266,3							*Sai mục đích sử dụng đất*
	Thửa 29(3), loại đất CLN, DTTH: 2287,2 m2											
	Keo (năm thứ 3)	cây			708	6,25	113		52.494	5.931.822		
	Chè	m2	ĐKG > 1,5cm		946,8				86.000	81.424.800		
	Keo (năm thứ 6)	cây	Chu vi 90cm, cao 11m		2				761.889	1.523.778		
	Keo (năm thứ 5)	cây	Chu vi 50cm, cao 8m		45				211.730	9.527.835		
	Keo (năm thứ 5)	cây	Chu vi 35cm, cao 7m		54				120.766	6.521.380		
	Thửa 51(3), loại đất RSX, DTTH: 4229,0 m2											
	Keo (năm thứ 3)	cây	Chu vi 25cm, cao 7m		676	6,25	676		52.494	35.485.944		
	Tổng cộng										**220.276.354**	